

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2017/HSPT

Ngày: 17/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 171/2017/HSPT ngày 01/6/2017 đối với vụ án Bùi Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị cáo kháng cáo:

Bị cáo: **BÙI VĂN N** - Sinh năm 1967; tại: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKKHKT: đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Bùi Văn Đ (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1938. Bị cáo có vợ là Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1968 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 2000; hiện trú tại: Buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016; đến ngày 16/01/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn N là đối tượng nghiện ma túy loại Methamphetamin. Vào khoảng 09 giờ 40' ngày 15/12/2016, tại khu vực chợ P, phường L, thành phố B, N sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 1133 vỏ màu đen, kèm sim số 09424797xx gọi cho đối tượng tên Bé (chưa rõ nhân thân lai lịch) để hỏi mua ma túy đá, mục đích để sử dụng. Bé đồng ý và hẹn N đến đường L, thành phố B để trao đổi mua bán ma túy. N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II màu nho, biển kiểm soát 52M1-xxxx đến ngã ba đường L – đường H, thành phố B thì gặp Bé, N đưa cho Bé 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), Bé bán cho N 01 gói ny lon trong suốt bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy đá, N cất ma túy mua được vào trong túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Khoảng 11 giờ 00' cùng ngày, khi Bùi Văn N đi đến đường N, phường A, thành phố B thì bị Cơ quan công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang, thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của N 01 gói ny lon trong suốt bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, N khai nhận là ma túy đã được niêm phong theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, còn thu giữ của N: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1133 vỏ màu đen, số IMEI: 356853079109346, kèm sim số 09424797xx; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream II màu nho, biển kiểm soát 52M1-xxxx; 01 ví da màu đen có chữ VERSACE; 01 chứng minh nhân dân số 2402932xx mang tên Bùi Văn N và số tiền 80.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định 759/GĐMT-PC54 ngày 20/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định, có khối lượng 2,5718 gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy Methamphetamin.

Mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng 2,4804 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2017/HSST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” .

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 của Quốc hội ngày 27/11/2015; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: bị cáo Bùi Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 16/01/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2017, bị cáo Bùi Văn N kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Bùi Văn N khai nhận: Vào khoảng 09h40' ngày 15/12/2016, bị cáo đã gọi điện thoại cho một người tên Bé (không rõ lai lịch) mua ma túy với giá 2.000.000 đồng, mục đích để sử dụng. Đến 11h00' cùng ngày thì bị cáo bị bắt quả tang và bị bắt giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo Bùi Văn N về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Bị cáo không bào chữa tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở pháp lý xác định vào khoảng 09h40' ngày 15/12/2016, bị cáo Bùi Văn N đã gọi điện thoại cho một người tên Bé (không rõ lai lịch) mua ma túy đá, mục đích để sử dụng với giá 2.000.000 đồng. Khoảng 11h00' cùng ngày, khi bị cáo đi đến đường N, phường A, thành phố B thì bị cáo bị bắt quả tang và bắt giữ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 để xét xử bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi do bị cáo gây ra. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy mà còn xâm phạm trật tự trị an trong xã hội. Mặc dù, bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức việc tàng trữ trái phép chất ma túy là bị nghiêm cấm và pháp luật sẽ nghiêm trị. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã mua 2,4804 gam Methamphetamin với giá 2.000.000 đồng tàng trữ để sử dụng. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật một cách cao độ nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo còn được xem xét áp dụng hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 của Quốc hội

ngày 27/11/2015; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo, giáo dục thành công dân có ích cho xã hội.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

* Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn N – Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 của Quốc hội ngày 27/11/2015; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, từ ngày 15/12/2016 đến ngày 16/01/2017.

* Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Văn N không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Cơ quan THAHS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- ...;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung